

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Cầu Lông – HP (23401612)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2125350060	Huỳnh Thanh	Ân	20/05/2007	Thiết kế đồ họa B	8.0	5.0	5.0	5.8	
2	2125350032	Nguyễn Cát Nguyễn	Anh	01/10/2002	Thiết kế đồ họa A	10.0	7.0	7.0	7.8	
3	2125350009	Nguyễn Nguyệt	Anh	06/09/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
4	2125350071	Nguyễn Quốc	Bảo	16/08/2005	Thiết kế đồ họa B	5.0	5.0	5.0	5.0	
5	2125350003	Nguyễn Trần Xuân	Bảo	18/02/2005	Thiết kế đồ họa A	8.0	5.0	5.0	5.8	
6	2125350072	Võ Lâm Gia	Bảo	16/03/2007	Thiết kế đồ họa B	2.0	2.0	2.0	2.0	
7	2125350024	Vũ Khắc Thành	Đạt	30/10/2006	Thiết kế đồ họa A	10.0	7.0	7.0	7.8	
8	2125350027	Lê Hiền	Diệu	10/10/2001	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
9	2125350055	Lương Huỳnh	Đức	27/03/2007	Thiết kế đồ họa B	5.0	5.0	5.0	5.0	
10	2125350057	Trần Minh	Đức	05/08/2007	Thiết kế đồ họa B	10.0	9.0	8.0	8.8	
11	2125350004	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	15/10/2006	Thiết kế đồ họa A	5.0	5.0	5.0	5.0	
12	2125350047	Phan Ngô Thanh	Hảo	14/12/2007	Thiết kế đồ họa B	8.0	5.0	5.0	5.8	
13	2125350014	Phạm Phúc	Hậu	28/08/2007	Thiết kế đồ họa A	8.0	5.0	5.0	5.8	
14	2125350131	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/08/2007	Thiết kế đồ họa A	8.0	5.0	5.0	5.8	
15	2125350020	Lê Mỹ	Hoa	04/02/2004	Thiết kế đồ họa A	8.0	5.0	5.0	5.8	
16	2125350139	Đậu Huy	Hoàng	10/10/2003	Thiết kế đồ họa B	5.0	7.0	5.0	5.5	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
17	2125350034	Thiều Tấn	Hồng	30/01/2007	Thiết kế đồ họa A	8.0	5.0	5.0	5.8	
18	2125350040	Huỳnh Đức	Huy	25/06/2007	Thiết kế đồ họa B	8.0	5.0	5.0	5.8	
19	2125350038	Hoàng Gia	Khôi	08/07/2007	Thiết kế đồ họa B	2.0	2.0	2.0	2.0	
20	2125350035	Trương Tuấn	Kiệt	31/01/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
21	2125350075	Vũ Ngọc Bảo	Lâm	12/12/2007	Thiết kế đồ họa B	8.0	7.0	7.0	7.3	
22	2125350012	Nguyễn Thị Bích	Liễu	25/09/2007	Thiết kế đồ họa A	2.0	2.0	2.0	2.0	
23	2125350008	Nguyễn Hoài	Lộc	01/04/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
24	2125350073	Hoàng Trúc	Luân	26/01/2001	Thiết kế đồ họa B	9.0	7.0	7.0	7.5	
25	2125350132	Huỳnh Văn Hữu	Luân	29/09/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
26	2125350127	Ngô Đình Gia	Minh	06/08/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
27	2125350124	Trần Hoàng Anh	Minh	03/11/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	10. 0	9.0	9.5	
28	2125350044	Nguyễn Thị Hồng	My	25/05/2005	Thiết kế đồ họa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
29	2125350052	Lý Thoại	Mỹ	21/05/2007	Thiết kế đồ họa B	8.0	5.0	5.0	5.8	
30	2125350061	Nguyễn Phúc Phương	Ngọc	20/11/2007	Thiết kế đồ họa B	9.0	5.0	5.0	6.0	
31	2125350007	Trần Hoàng	Ngọc	08/02/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	8.0	8.0	8.5	
32	2125350054	Ngô Tùng	Nhất	23/02/2007	Thiết kế đồ họa B	8.0	7.0	7.0	7.3	
33	2125350022	Phạm Long	Nhật	06/11/2007	Thiết kế đồ họa A	6.0	5.0	5.0	5.3	
34	2125350126	Trương Nguyễn Yến	Nhi	28/02/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
35	2125350050	Vũ Thị Yến	Nhi	28/09/2007	Thiết kế đồ họa B	7.0	5.0	5.0	5.5	
36	2125350130	Bùi Hồng	Như	08/01/2007	Thiết kế đồ họa A	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	2125350016	Nguyễn Quỳnh	Như	06/08/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	7.0	5.0	6.8	
38	2125350059	Nguyễn Thị Ánh	Như	27/11/2007	Thiết kế đồ họa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
39	2125350048	Võ Thị Hồng	Nhung	22/08/2007	Thiết kế đồ họa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
40	2125350005	Huỳnh Tấn	Phát	30/05/2007	Thiết kế đồ họa A	8.0	5.0	5.0	5.8	
41	2125350051	Lê Hồng Tấn	Phát	03/08/2007	Thiết kế đồ họa B	6.0	6.0	5.0	5.5	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
42	2125350001	Nguyễn Hoàng	Phong	15/10/2005	Thiết kế đồ họa A	5.0	5.0	5.0	5.0	
43	2125350070	Hồ Phạt	Phúc	06/10/2006	Thiết kế đồ họa B	5.0	5.0	5.0	5.0	
44	2125350068	Nguyễn Trọng	Phúc	30/11/2006	Thiết kế đồ họa B	5.0	5.0	5.0	5.0	
45	2125350138	Nguyễn Đức	Phương	20/10/2006	Thiết kế đồ họa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
46	2125350041	Mai Minh	Quân	12/11/2007	Thiết kế đồ họa B	8.0	5.0	5.0	5.8	
47	2125350053	Nguyễn Long	Quốc	11/12/2007	Thiết kế đồ họa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
48	2125350064	Dương Văn	Sơn	08/06/2004	Thiết kế đồ họa B	5.0	5.0	5.0	5.0	
49	2125350087	Ngô Kim	Sơn	30/01/2003	Thiết kế đồ họa B	2.0	2.0	2.0	2.0	
50	2125350026	Nguyễn Ngọc Băng	Tâm	09/09/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
51	2125350019	Trần Duy	Tâm	13/04/2004	Thiết kế đồ họa A	10.0	9.0	9.0	9.3	
52	2125350029	Phạm Công	Tân	28/01/2004	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
53	2125350056	Lê Hoàng	Thành	09/11/2007	Thiết kế đồ họa B	8.0	5.0	5.0	5.8	
54	2125350067	Đỗ Tuấn	Thiện	21/12/2007	Thiết kế đồ họa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
55	2125350030	Nguyễn Hữu	Thiện	18/04/2007	Thiết kế đồ họa A	6.0	5.0	5.0	5.3	
56	2125350042	Lê Anh	Thư	11/07/2007	Thiết kế đồ họa B	5.0	5.0	5.0	5.0	
57	2125350045	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/03/2007	Thiết kế đồ họa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
58	2125350006	Nguyễn Thanh	Thúy	30/01/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
59	2125350133	Trần Ngọc	Thúy	06/09/2006	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
60	2125350025	Hoàng Minh	Thy	28/06/2007	Thiết kế đồ họa A	6.0	5.0	5.0	5.3	
61	2125350011	Tăng Quỳnh	Thy	06/09/2007	Thiết kế đồ họa A	9.0	5.0	5.0	6.0	
62	2125350058	Nguyễn Võ Bảo	Trân	04/11/2007	Thiết kế đồ họa B	7.0	5.0	5.0	5.5	
63	2125350010	Nguyễn Đặng Đại	Trang	31/05/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
64	2125350023	Phùng Ngọc	Trinh	29/03/2007	Thiết kế đồ họa A	8.0	5.0	5.0	5.8	
65	2125350066	Nguyễn Hữu	Trọng	02/10/2006	Thiết kế đồ họa B	6.0	5.0	5.0	5.3	
66	2125350017	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/05/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
67	2125350063	Nguyễn Quốc	Trung	16/11/2007	Thiết kế đồ họa B	0.0	0.0	0.0	0.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
68	2125350046	Trần Văn	Trung	21/05/2006	Thiết kế đồ họa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
69	2125350013	Nguyễn Quang	Trường	18/02/2004	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
70	2125350002	Trần Quốc	Tuấn	20/09/2003	Thiết kế đồ họa A	7.0	5.0	5.0	5.5	
71	2125350018	Nguyễn Cao	Tuyền	07/10/2007	Thiết kế đồ họa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
72	2125350015	Lâm Quốc	Việt	03/11/2007	Thiết kế đồ họa A	8.0	5.0	5.0	5.8	
73	2125350037	Đặng Quốc	Vinh	21/06/2007	Thiết kế đồ họa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
74	2125350062	Dương Thị Tường	Vy	13/03/2007	Thiết kế đồ họa B	8.0	5.0	5.0	5.8	
75	2125350129	Huỳnh Ngọc Tường	Vy	26/07/2007	Thiết kế đồ họa A	0.0	0.0	0.0	0.0	
76	2125350043	Đỗ Thị Ngọc	Xuân	07/01/2007	Thiết kế đồ họa B	6.0	5.0	5.0	5.3	

TPHCM , ngày 7 tháng 07 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Cầu Lông – HP (23401612)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2125350060	Huỳnh Thanh	Ân	20/05/2007	CCQ2535B	5.8	5.0	5,30	
2	2125350032	Nguyễn Cát Nguyên	Anh	01/10/2002	CCQ2535A	7.8	5.0	6,10	
3	2125350009	Nguyễn Nguyệt	Anh	06/09/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
4	2125350071	Nguyễn Quốc	Bảo	16/08/2005	CCQ2535B	5.0	7.0	6,20	
5	2125350003	Nguyễn Trần Xuân	Bảo	18/02/2005	CCQ2535A	5.8	5.0	5,30	
6	2125350072	Võ Lâm Gia	Bảo	16/03/2007	CCQ2535B	2.0	0.0	0,80	
7	2125350024	Vũ Khắc Thành	Đạt	30/10/2006	CCQ2535A	7.8	5.0	6,10	
8	2125350027	Lê Hiền	Diệu	10/10/2001	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
9	2125350055	Lương Huỳnh	Đức	27/03/2007	CCQ2535B	5.0	5.0	5,00	
10	2125350057	Trần Minh	Đức	05/08/2007	CCQ2535B	8.8	6.0	7,10	
11	2125350004	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	15/10/2006	CCQ2535A	5.0	5.0	5,00	
12	2125350047	Phan Ngô Thanh	Hào	14/12/2007	CCQ2535B	5.8	5.0	5,30	
13	2125350014	Phạm Phúc	Hậu	28/08/2007	CCQ2535A	5.8	5.0	5,30	
14	2125350131	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/08/2007	CCQ2535A	5.8	5.0	5,30	
15	2125350020	Lê Mỹ	Hoa	04/02/2004	CCQ2535A	5.8	5.0	5,30	
16	2125350139	Đậu Huy	Hoàng	10/10/2003	CCQ2535B	5.5	5.0	5,20	
17	2125350034	Thiều Tấn	Hồng	30/01/2007	CCQ2535A	5.8	5.0	5,30	
18	2125350040	Huỳnh Đức	Huy	25/06/2007	CCQ2535B	5.8	6.0	5,90	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2125350038	Hoàng Gia	Khôi	08/07/2007	CCQ2535B	2.0	0.0	0,80	
20	2125350035	Trương Tuấn	Kiệt	31/01/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
21	2125350075	Vũ Ngọc Bảo	Lâm	12/12/2007	CCQ2535B	7.3	5.0	5,90	
22	2125350012	Nguyễn Thị Bích	Liều	25/09/2007	CCQ2535A	2.0	0.0	0,80	
23	2125350008	Nguyễn Hoài	Lộc	01/04/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
24	2125350073	Hoàng Trúc	Luân	26/01/2001	CCQ2535B	7.5	7.0	7,20	
25	2125350132	Huỳnh Văn Hữu	Luân	29/09/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
26	2125350127	Ngô Đình Gia	Minh	06/08/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
27	2125350124	Trần Hoàng Anh	Minh	03/11/2007	CCQ2535A	9.5	8.0	8,60	
28	2125350044	Nguyễn Thị Hồng	My	25/05/2005	CCQ2535B	6.3	5.0	5,50	
29	2125350052	Lý Thoại	Mỹ	21/05/2007	CCQ2535B	5.8	5.0	5,30	
30	2125350061	Nguyễn Phúc Phương	Ngọc	20/11/2007	CCQ2535B	6.0	5.0	5,40	
31	2125350007	Trần Hoàng	Ngọc	08/02/2007	CCQ2535A	8.5	6.0	7,00	
32	2125350054	Ngô Tùng	Nhất	23/02/2007	CCQ2535B	7.3	5.0	5,90	
33	2125350022	Phạm Long	Nhật	06/11/2007	CCQ2535A	5.3	5.0	5,10	
34	2125350126	Trương Nguyễn Yến	Nhi	28/02/2007	CCQ2535A	6.3	6.0	6,10	
35	2125350050	Vũ Thị Yến	Nhi	28/09/2007	CCQ2535B	5.5	5.0	5,20	
36	2125350130	Bùi Hồng	Như	08/01/2007	CCQ2535A	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
37	2125350016	Nguyễn Quỳnh	Như	06/08/2007	CCQ2535A	6.8	5.0	5,70	
38	2125350059	Nguyễn Thị Ánh	Như	27/11/2007	CCQ2535B	6.3	5.0	5,50	
39	2125350048	Võ Thị Hồng	Nhung	22/08/2007	CCQ2535B	6.3	5.0	5,50	
40	2125350005	Huỳnh Tấn	Phát	30/05/2007	CCQ2535A	5.8	5.0	5,30	
41	2125350051	Lê Hồng Tấn	Phát	03/08/2007	CCQ2535B	5.5	5.0	5,20	
42	2125350001	Nguyễn Hoàng	Phong	15/10/2005	CCQ2535A	5.0	5.0	5,00	
43	2125350070	Hồ Phạt	Phúc	06/10/2006	CCQ2535B	5.0	5.0	5,00	
44	2125350068	Nguyễn Trọng	Phúc	30/11/2006	CCQ2535B	5.0	5.0	5,00	
45	2125350138	Nguyễn Đức	Phương	20/10/2006	CCQ2535B	6.3	7.0	6,70	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2125350041	Mai Minh	Quân	12/11/2007	CCQ2535B	5.8	5.0	5,30	
47	2125350053	Nguyễn Long	Quốc	11/12/2007	CCQ2535B	6.3	5.0	5,50	
48	2125350064	Dương Văn	Sơn	08/06/2004	CCQ2535B	5.0	5.0	5,00	
49	2125350087	Ngô Kim	Sơn	30/01/2003	CCQ2535B	2.0	0.0	0,80	
50	2125350026	Nguyễn Ngọc Bằng	Tâm	09/09/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
51	2125350019	Trần Duy	Tâm	13/04/2004	CCQ2535A	9.3	6.0	7,30	
52	2125350029	Phạm Công	Tân	28/01/2004	CCQ2535A	6.3	6.0	6,10	
53	2125350056	Lê Hoàng	Thành	09/11/2007	CCQ2535B	5.8	5.0	5,30	
54	2125350067	Đỗ Tuấn	Thiện	21/12/2007	CCQ2535B	6.3	5.0	5,50	
55	2125350030	Nguyễn Hữu	Thiện	18/04/2007	CCQ2535A	5.3	5.0	5,10	
56	2125350042	Lê Anh	Thư	11/07/2007	CCQ2535B	5.0	5.0	5,00	
57	2125350045	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/03/2007	CCQ2535B	6.3	5.0	5,50	
58	2125350006	Nguyễn Thanh	Thúy	30/01/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
59	2125350133	Trần Ngọc	Thúy	06/09/2006	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
60	2125350025	Hoàng Minh	Thy	28/06/2007	CCQ2535A	5.3	5.0	5,10	
61	2125350011	Tăng Quỳnh	Thy	06/09/2007	CCQ2535A	6.0	5.0	5,40	
62	2125350058	Nguyễn Võ Bảo	Trân	04/11/2007	CCQ2535B	5.5	5.0	5,20	
63	2125350010	Nguyễn Đặng Đại	Trang	31/05/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
64	2125350023	Phùng Ngọc	Trình	29/03/2007	CCQ2535A	5.8	5.0	5,30	
65	2125350066	Nguyễn Hữu	Trọng	02/10/2006	CCQ2535B	5.3	5.0	5,10	
66	2125350017	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/05/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
67	2125350063	Nguyễn Quốc	Trung	16/11/2007	CCQ2535B	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
68	2125350046	Trần Văn	Trung	21/05/2006	CCQ2535B	6.3	6.0	6,10	
69	2125350013	Nguyễn Quang	Trường	18/02/2004	CCQ2535A	6.3	7.0	6,70	
70	2125350002	Trần Quốc	Tuấn	20/09/2003	CCQ2535A	5.5	5.0	5,20	
71	2125350018	Nguyễn Cao	Tuyền	07/10/2007	CCQ2535A	6.3	5.0	5,50	
72	2125350015	Lâm Quốc	Việt	03/11/2007	CCQ2535A	5.8	5.0	5,30	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
73	2125350037	Đặng Quốc	Vinh	21/06/2007	CCQ2535B	6.3	5.0	5,50	
74	2125350062	Dương Thị Tường	Vy	13/03/2007	CCQ2535B	5.8	5.0	5,30	
75	2125350129	Huỳnh Ngọc Tường	Vy	26/07/2007	CCQ2535A	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
76	2125350043	Đỗ Thị Ngọc	Xuân	07/01/2007	CCQ2535B	5.3	5.0	5,10	

TPHCM , ngày 7 tháng 7 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình